

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA**

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05-06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		203,135,142,250	138,582,367,742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114,892,506,719	76,569,360,175
1. Tiền	111		109,892,506,719	63,569,360,175
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	13,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	34,787,962,148	27,306,571,100
1. Đầu tư ngắn hạn	121		35,513,705,156	27,313,675,156
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(725,743,008)	(7,104,056)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,733,502,467	33,407,161,684
1. Phải thu của khách hàng	131		123,036,000	23,750,000
2. Trả trước cho người bán	132		763,358,000	74,800,000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	62,582,414,021	44,226,915,017
5. Các khoản phải thu khác	138		264,694,446	81,696,667
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(11,000,000,000)	(11,000,000,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		721,170,916	1,299,274,783
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		136,006,177	15,532,575
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	580,164,739	1,275,742,208
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,000,000	8,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36,099,105,050	36,025,915,862
II. Tài sản cố định	220	8	1,202,477,299	1,630,225,614
1. Tài sản cố định hữu hình	221		426,720,655	624,900,785
- Nguyên giá	222		4,237,977,745	4,237,977,745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,811,257,090)	(3,613,076,960)
3. Tài sản cố định vô hình	227		775,756,644	1,005,324,829
- Nguyên giá	228		2,696,699,470	2,696,699,470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,920,942,826)	(1,691,374,641)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	28,350,162,982	28,350,055,100
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		245,445	245,445
4. Đầu tư dài hạn khác	258		28,350,000,000	28,350,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(82,463)	(190,345)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,546,464,769	6,045,635,148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	861,146,199	901,429,876
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	5,390,121,942	4,849,008,644
4. Tài sản dài hạn khác	268	12	295,196,628	295,196,628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239,234,247,300	174,608,283,604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		100,449,650,505	37,882,928,385
1. Nợ ngắn hạn	310		100,449,650,505	37,882,928,385
2. Phải trả người bán	312		426,684,247	810,185,265
3. Người mua trả tiền trước	313		578,100,000	239,650,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1,150,917,077	609,550,896
6. Chi phí phải trả	316	14	753,394,648	657,832,435
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	95,017,122,503	35,565,709,789
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2,519,922,500	-
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3,509,530	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138,784,596,795	136,725,355,219
I. Vốn chủ sở hữu	410		138,784,596,795	136,725,355,219
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	135,000,000,000	135,000,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5,715,000,000)	(5,715,000,000)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9,499,596,795	7,440,355,219
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239,234,247,300	174,608,283,604

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký	006	297,982,040,000	295,761,550,000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	237,826,110,000	220,301,740,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7,290,000	7,440,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	237,818,820,000	220,294,300,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	8,480,000,000	12,900,000,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	8,480,000,000	12,900,000,000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	51,675,930,000	62,559,810,000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	51,675,930,000	62,559,810,000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	68,430,100,000	43,301,240,000
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	61,221,130,000	42,212,270,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	190,000	-
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	61,220,940,000	42,212,270,000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	7,208,970,000	1,088,970,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	7,208,970,000	1,088,970,000

Người lập



Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi



Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2014
Q. Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

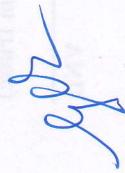
Quý III năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý III năm nay	Quý III năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
		VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu	01 17	5,470,671,789	3,080,924,563	17,456,134,516	9,825,081,522
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	3,416,519,324	1,421,759,298	10,524,912,199	4,604,794,980
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	162,300	25,500	394,200	20,517,083
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	1,003,391,472	617,469,295	2,602,285,599	1,175,936,865
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	57,416,703	40,705,871	237,226,645	103,375,396
Doanh thu khác	01.9	993,181,990	1,000,964,599	4,091,315,873	3,920,457,198
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	5,470,671,789	3,080,924,563	17,456,134,516	9,825,081,522
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11 18	3,939,227,752	2,197,906,736	9,886,106,358	5,589,185,947
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20	1,531,444,037	883,017,827	7,570,028,158	4,235,895,575
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 19	1,636,517,024	1,418,308,119	4,815,211,313	3,461,667,679
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(105,072,987)	(535,290,292)	2,754,816,845	774,227,896
8. Thu nhập khác	31	-	-	2,200	-
10. Lợi nhuận khác	40	-	-	2,200	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(105,072,987)	(535,290,292)	2,754,819,045	774,227,896
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51 20	123,645,443 ₅	-	695,577,469	193,519,815

14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60 (228,718,430) (535,290,292) 2,059,241,576 580,708,081

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 21 (17.4) (40.6) 156.2 44.1

Người lập Giám đốc tài chính



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2014



Trần Thị Thu Hương

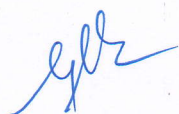
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,754,819,045	774,227,896
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		427,748,315	510,040,079
Các khoản dự phòng	03		718,531,070	(221,269,675)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,274,035,107)	(3,447,383,729)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2,627,063,323	(2,384,385,429)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19,323,340,783)	3,619,862,550
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10		(8,200,030,000)	489,025,227
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		62,566,722,120	24,040,010,061
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(80,189,925)	236,493,382
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	94,660,725
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(541,113,298)	(483,222,104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	20		37,049,111,437	25,612,444,412
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(15,939,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20,400,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,274,035,107	3,447,383,729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,274,035,107	(16,968,555,271)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38,323,146,544	8,643,889,141
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60		76,569,360,175	78,085,493,670
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	4	114,892,506,719	86,729,382,811

Người lập



Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi

Lập, ngày 16 tháng 10 năm 2014



Q. Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị văn phòng	04-07
- Phần mềm quản lý, kế toán	02-07

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối quý là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG QUÝ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong quý III năm 2014	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong quý III năm 2014
		VND
Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	-	-
Của người đầu tư	289,711,368	3,270,092,923,500
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	289,711,368	3,270,092,923,500
	<u>289,711,368</u>	<u>3,270,092,923,500</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	724,832,307	8,693,161,367
Tiền gửi ngân hàng	11,637,611,869	19,291,056,870
Tiền gửi về đầu giá và thực hiện quyền	2,519,922,500	28,870,464
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	95,010,140,043	35,556,271,474
Các khoản tương đương tiền (**)- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại NH SHB	5,000,000,000	13,000,000,000
	114,892,506,719	76,569,360,175

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	8,213,705,156	13,675,156
- Chứng khoán niêm yết	13,705,156	13,675,156
- Chứng khoán chưa niêm yết	8,200,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn khác- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	27,300,000,000	27,300,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(725,743,008)	(7,104,056)
- Chứng khoán niêm yết (*)	(725,743,008)	(7,104,056)
	34,787,962,148	27,306,571,100

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết đầu tư ngắn hạn và cổ phiếu OTC:

Cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
HPC	1,269,018	(735,518)	533,500
SHN	1,700,000	(1,283,500)	416,500
VCG	2,820,180	(1,649,880)	1,170,300
DIG	187,778	(127,778)	60,000
Cổ phiếu OTC	7,200,000,000	(720,000,000)	6,480,000,000
Cổ phiếu khác	5,529,332	(1,946,332)	3,583,000
Tổng cộng	7,211,506,308	(725,743,008)	6,485,763,300

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu phí giao dịch nhà đầu tư	118,103,370	129,546,793
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	40,505,000,000	40,505,000,000
Phải thu lãi hợp tác kinh doanh	5,367,600	5,367,600
Phải thu NĐT ứng trước tiền bán CK	21,953,943,051	3,587,000,624
	62,582,414,021	44,226,915,017

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580,164,739	1,275,742,208
	580,164,739	1,275,742,208

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ vô hình (Phần mềm GD, KT) VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2,614,243,745	1,623,734,000	2,696,699,470	6,934,677,215
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Giảm khác (phân loại lại)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,614,243,745	1,623,734,000	2,696,699,470	6,934,677,215
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2,551,819,472	1,198,686,500	1,856,944,147	5,607,450,119
Số tăng trong kỳ	13,523,618	47,227,500	63,998,679	124,749,797
- Trích khấu hao	13,523,618	47,227,500	63,998,679	124,749,797
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Giảm khác (phân loại lại)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,565,343,090	1,245,914,000	1,920,942,826	5,732,199,916
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	62,424,273	425,047,500	839,755,323	1,327,227,096
Cuối kỳ	48,900,655	377,820,000	775,756,644	1,202,477,299

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày Số cuối kỳ	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
135,000,000,000	Nguyên giá	6,934,677,215	0.05
	Khấu hao	-5,732,199,916	
	Giá trị còn lại	1,202,477,299	0.01

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	245,445	245,445
- Chứng khoán niêm yết	245,445	245,445
Đầu tư dài hạn khác	28,350,000,000	28,350,000,000
- Góp vốn vào Công ty CP Công Nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3,000,000,000	3,000,000,000
- Góp vốn vào DA xử lý nước thải Từ Sơn với Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Phú Điền	25,350,000,000	25,350,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(82,463)	(190,345)
	28,350,162,982	28,350,055,100

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn:

Cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
MMC	245,445	(82,463)	162,982
Tổng cộng	245,445	(82,463)	162,982

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	320,762,851	444,403,664
Chi phí trả trước dài hạn khác	540,383,348	457,026,212
	861,146,199	901,429,876

11 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,765,362,888	3,765,362,888
Tiền lãi phân bổ trong năm	1,504,759,054	963,645,756
	5,390,121,942	4,849,008,644

12 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng 30 Nguyễn Du, Hà Nội	285,196,628	285,196,628
Tiền đặt cọc khác	10,000,000	10,000,000
	295,196,628	295,196,628

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	1,106,257,130	596,037,713
Các loại thuế khác (thuế GTGT)	44,659,947	13,513,183
	1,150,917,077	609,550,896

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện	85,000,000	75,000,000
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	315,000,000	371,891,371
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	320,894,648	180,941,064
Chi phí phải trả khác	32,500,000	30,000,000
	753,394,648	657,832,435

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6,982,460	9,438,315
Phải trả về giao dịch chứng khoán của NĐT	95,010,140,043	35,556,271,474
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	2,519,922,500	
	97,537,045,003	35,565,709,789

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,500,000	13,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,500,000	13,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13,500,000	13,500,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	317,500	317,500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	317,500	317,500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,182,500	13,182,500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13,182,500	13,182,500
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	5,470,671,789	3,080,924,563
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3,416,519,324	1,421,759,298
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	162,300	25,500
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1,003,391,472	617,469,295
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	57,416,703	40,705,871
- Doanh thu khác	993,181,990	1,000,964,599
	5,470,671,789	3,080,924,563

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1,305,299,448	472,168,541
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-
Chi phí hoạt động tư vấn	-	26,598,545
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	77,884,187	62,161,113
Chi phí dự phòng	719,494,618	517,500
Chi phí khác	84,426,036	73,532,041
Chi phí trực tiếp chung	1,752,123,463	1,562,928,996
- <i>Chi phí nhân viên</i>	1,035,034,573	761,548,066
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	58,234,230	54,052,303
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	54,444,341	56,261,178
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	604,410,319	691,067,449
	3,939,227,752	2,197,906,736

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,073,450,458	875,264,731
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	145,086,129	68,198,773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70,305,456	102,323,383
Chi phí thuế phí và lệ phí	-	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347,674,981	369,521,232
	1,636,517,024	1,418,308,119

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(105.072,987)	(535,290,292)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác	722.607,700	(25,500)
- Các khoản điều chỉnh tăng	722,770,000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(162,300)	(25,500)
Tổng thu nhập chịu thuế	617,534,713	(535,315,792)
Thu nhập tính thuế	617,534,713	(535,315,792)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%,25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu	123,645,443	-
(*) Mức thuế suất 25% áp dụng đối với khoản lợi nhuận điều chỉnh tăng do yêu cầu của Tổng cục thuế tại thông báo ngày 09 tháng 09 năm 2014		

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

123,645,443

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(228,718,430)	(535,290,292)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(228,718,430)	(535,290,292)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13,182,500	13,182,500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(17.4)	(40.6)

Người lập



Nguyễn Thị Khanh

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2014

Q. Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương